

Bản án số: 14/2021/HSST.

Ngày: 28/01/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Khánh Vân.

Ông Nguyễn Hồng Tỷ.

Thư ký phiên toà: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện VKSND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 124/2020/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. ĐVL, sinh năm: 1989, tại Kiên Giang – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn HP, xã QO, huyện Đạh, tỉnh Lâm Đồng. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Học vấn: 6/12. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 09/6/2020. Họ tên cha: ĐVT, sinh năm: 1967. Họ tên mẹ: HKH, sinh năm: 1969. Họ tên vợ: NTH, sinh năm: 1991.

2. NVH (Q), sinh năm: 1993, tại Quảng Nam – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn TDT, xã ĐL, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở: Ấp 2, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Chăn nuôi. Học vấn: 12/12. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 09/6/2020. Họ tên cha: NVH, sinh năm: 1964. Họ tên mẹ: LTX, sinh năm: 1969. Họ tên vợ: ĐTVA, sinh năm: 1993 và 01 con, sinh năm: 2018.

3. *PTT*, sinh năm: 1990, tại Quảng Nam – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn TDT, xã ĐL, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không . Nghề nghiệp: Làm thuê. Học vấn: 9/12. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 09/6/2020. Họ tên cha: PVD, sinh năm: 1965. Họ tên mẹ: VTK, sinh năm: 1969.

4. *NT*, sinh năm: 2000, tại Quảng Nam – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn TH, xã ĐH, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở: Xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không . Nghề nghiệp: Công nhân. Học vấn: 10/12. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 09/6/2020. Họ tên cha: NQ, sinh năm: 1970. Họ tên mẹ: TTB, sinh năm: 1974.

5. *LCX*, sinh năm: 1992, tại Bạc Liêu – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở: Ấp 2, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo . Nghề nghiệp: Công nhân. Học vấn: 3/12. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 10/6/2020. Họ tên cha: LVD, sinh năm: 1960. Họ tên mẹ: DTG, sinh năm: 1966.

6. *ĐĐ*, sinh năm: 1987, tại Quảng Nam – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn TDT, xã ĐL, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không . Nghề nghiệp: Làm thuê. Học vấn: 6/12. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 09/6/2020. Họ tên cha: ĐC, sinh năm: 1975. Họ tên mẹ: PTX, sinh năm: 1975.

7. *PKT*, sinh năm: 1964, tại Quảng Trị – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, TT DS, huyện HL, tỉnh Quảng Trị. Chỗ ở: Ấp 2, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không . Nghề nghiệp: Công nhân. Học vấn: 2/12 . Tiền án, tiền sự: Không. Bắt ngày: 09/6/2020. Họ tên cha: PKM, sinh năm: 1947. Họ tên mẹ: TNTN- (Chết). Họ tên vợ: NTV, sinh năm: 1967 và 03 con, lớn nhất, sinh năm: 1990, nhỏ nhất sinh năm: 1998.

Người bị hại:

Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hoà II, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Montri Suwanposri – Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: NTK, sinh năm: 1962 – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: 367/5, Quốc lộ 1A, phường TB, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *NQB*, sinh năm: 1985 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn Bình 1, xã ĐL, huyện Đt, tỉnh Lâm Đồng.

2. *PTNB*, sinh năm: 1983 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ¾, tổ 3, ấp 3, xã NĐ, huyện NB, TP Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: TT NB, huyện NB, TP Hồ Chí Minh.

3. *DTG*, sinh năm: 1966 – (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã NQ, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu.

4. *NTH*, sinh năm: 1991 – (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn HP, xã QO, huyện Đạh, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận nguồn tin về vụ trộm cắp heo giống, xảy ra ngày 08/6/2020 tại trại heo nái QA – Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, thuộc ấp 4, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cơ quan CSĐT Công an huyện XM phối hợp với Công an xã HH tiến hành Điều tra, xác minh và truy tìm đối tượng. Ngày 09/6/2020 cơ quan Công an phát hiện tại nơi thuê ở của NVH (Q) đang nuôi nhốt 23 con heo giống không rõ nguồn gốc, nên đã yêu cầu H cùng 04 đối tượng đang có mặt tại nhà H gồm: ĐVL, PTT, NT, ĐĐ về trụ sở làm việc.

Tại sở quan Điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 21h00 ngày 07/6/2020, H, L, T, T và Đ đang ăn uống với nhau tại nơi ở của H thì H gọi Đ đến cho PKT là bảo vệ của trại heo HH 4 – Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, lúc này T đang trong ca trực. H nói T cho H vào trại bắt trộm heo con H sẽ trả cho T 4.000.000Đ (Bốn triệu). Sau khi được T đồng ý, H nói cho L biết và rủ thêm T, T và Đ cùng tham gia. Tất cả đều đồng ý rồi Đ ngủ, đến khoảng 00h00 ngày 08/6/2020 thì thức dậy. L

chạy xe Dream biển số 72K4-1324 chở Đ mang theo 04 giỏ xách và băng keo đen; T chạy xe Sirius biển số 43F1-063.69 chở Q và T. Khi còn cách trại heo khoảng 700m thì dừng xe, cất giấu xe rồi đột nhập vào khuôn viên của trại. H gọi Đền cho T và được T cho biết khu vực phía sau trại không có bảo vệ. Cả nhóm đi đến chuồng nuôi số 7 và 8, L mở tấm lưới trên quạt thông gió và chui vào mở cửa sổ cho T vào, H, Đ và T đứng ngoài canh giới. T bắt 23 con heo đưa cho L bỏ vào 04 giỏ xách mang theo, rồi chui qua hàng rào đưa ra ngoài, rồi dùng xe máy vận chuyển về nơi ở của H cất giấu, nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện, thu giữ cùng với các vật chứng khác gồm: 01 xe mô tô biển số 72K4-1324, 01 xe mô tô gắn biển số 43F1-063.69, 01 xe ô tô tải biển số: 51C-746.56, 11 giỏ xách, 08 cuộn băng keo, 01 Điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA-1147 của L, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi112 của H.

Kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG ngày 14/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện XM đối với 23 con heo giống 21 ngày tuổi, tại thời Điểm xảy ra vụ án trị giá là: 57.500.000Đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn).

Ngoài ra các đối tượng còn khai nhận trước đó đã cùng nhau thực hiện hai vụ trộm cắp heo giống như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 03/5/2020 L gọi Đền cho LCX là nhân viên của trại chăn nuôi heo BR2 – Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam. L nói X nếu X tạo Điều kiện tạo Điều kiện cho L vào trại bắt trộm heo giống, L sẽ trả cho X 400.000Đ/con. Sau khi được X đồng ý, thì L và H Đ mua băng keo và giỏ xách bằng nhựa, chế thêm dây đeo theo kiểu ba lô và rủ thêm T, T và ĐVT cùng tham gia.

Khoảng 1h00 ngày 04/5/2020 L, H, T, T và Trước Đ trên 03 xe mô tô máng theo giỏ xách, băng keo đến trại heo. Tại đây, L gọi Đền cho X biết để canh giới, T đứng ngoài giữ xe; L, H, T và Trước đột nhập vào khuôn viên trại thì được X cho biết chuồng nuôi số 6 có heo đang cai sữa. L, T vào chuồng số 6 bắt được 23 con heo giống chở về nơi H ở cất giấu, đến sáng L dùng xe ô tô tải biển số 51C-746.56 chở Đ bán tại tỉnh Đồng Nai được 44.500.000Đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn). Chia nhau: L, H và T mỗi người 11.300.000Đ (Mười một triệu ba trăm ngàn), X

8.000.000Đ (Tám triệu), T 1.500.000Đ (Một triệu năm trăm ngàn), T 1.000.000Đ (Một triệu).

Kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 14/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện XM thì trị giá 23 con heo giống 21 ngày tuổi, tại thời Điểm xảy ra vụ án trị giá là: 57.500.000Đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn).

Vụ thứ hai:

Tối ngày 31/5/2020 X chủ động gọi điện thông báo cho L biết trong trại có heo con cai sữa. Cũng với phương thức, thủ đoạn hoạt động như lần trước, khoảng 1h00 ngày 01/6/2020 L, H và T mang theo 03 giỏ xách, băng keo đen đi trên 02 xe biển số 72K4-1324 và xe mô tô gắn biển số 43F1-063.69 đột nhập trại heo bắt 18 con heo giống. Sau đó, L dùng xe ô tô tải biển số 51C-746.56 chở đi bán tại tỉnh Đồng Nai được 39.400.000Đ (Ba mươi chín triệu bốn trăm ngàn). L và H chia nhau mỗi người 15.900.000Đ (Mười lăm triệu chín trăm ngàn), T 1.500.000Đ (Một triệu năm trăm ngàn), X 6.000.000Đ (Sáu triệu).

Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐG ngày 14/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện XM thì trị giá 18 con heo giống 21 ngày tuổi, tại thời Điểm xảy ra vụ án trị giá là: 45.000.000Đ (Bốn mươi lăm triệu).

Vật chứng: Sau khi thu giữ 23 con heo giống trong vụ trộm ngày 08/6/2020, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam. Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius gắn biển số 43F1-063.69 Cơ quan CSĐT đã uỷ thác xác minh nguồn gốc nhưng chưa nhận được kết quả uỷ thác. Xe mô tô Dream gắn biển số 72K4-1324 Cơ quan CSĐT đã xác minh và thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có ai đến liên hệ giải quyết nên tách riêng để Điều tra xác minh, xử lý sau.

11 (Mười một) giỏ xách được đan bằng nhựa nhiều màu sắc, có quai đeo, kích thước 77cm x 37cm x 30cm, 08 cuộn băng keo đen, 04 Điện thoại di động gồm: 01 Điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA-1147 của L, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi112 của H, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi208 của T và 01 Điện thoại di động hiệu OPO-RMX1821 của X các bị can dùng vào việc phạm tội nên chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM để xử lý theo quy định.

Đối với xe ô tô loại tải thùng kín, nhãn hiệu Vinaxuki, số loại 1490T, màu xanh trắng, tải trọng 1.250kg, biển số 51C-746.56 số khung: 11ZN9V050938, số máy: LQC80204925A chủ sở hữu là chị PTNB, chị B đã bán lại cho anh NQB, anh B bán lại cho vợ chồng ĐVL, NTH. Chị H không biết L dùng xe vào việc chở heo trộm cắp Đ bán nên chị H xin nhận lại xe. Xe được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM để giải quyết khi xét xử.

Trách nhiệm dân sự: Các bị can đã bồi thường xong cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam 160.000.000Đ (Một trăm sáu mươi triệu), việc chia phần bồi thường các bị can tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu giải quyết. Ông K đại diện cho công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam đã nhận đủ tiền và đã nhận lại 23 con heo giống trong vụ trộm ngày 08/6/2020, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị B, anh B không có ý kiến, yêu cầu gì đối với xe ô tô biển số 51C-746.56.

Cáo trạng số: 115/CT-VKS-XM ngày 17/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM đã truy tố ĐĐ, PKT về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo Đếm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố ĐVL, NVH, PTT, NT, LCX về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo Đếm a, Đếm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với ĐVT Cơ quan CSĐT chưa làm việc được với T nên tách riêng để điều tra xử lý sau.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã khai báo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chị H không yêu cầu bị cáo L, bị cáo H trả lại số tiền chị H đã bồi thường thay cho L và H. Đồng thời xin nhận lại xe ô tô biển số 51C-746.56. Bà G yêu cầu bị cáo X sau khi chấp hành xong hình phạt phải trả lại cho bà G 23.000.000Đ (Hai mươi ba triệu) mà bà G đã bồi thường thay cho X.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan Đếm như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: ĐVL, NVH (Q), PTT, NT, LCX, ĐĐ và Phạm Khắc T phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Đề nghị áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s, Điểm t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ĐVL từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s Điểm t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo NVH (Q) từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo PTT từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo NT từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38, Điểm b, Điểm r, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo LCX từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ĐĐ từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tù.

Đề nghị áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo PKT từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Xong.

Vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 04 Điện thoại di động gồm: 01 Điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA-1147, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi112, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi208 và 01 Điện thoại di động hiệu OPO-RMX1821.

Tịch thu tiêu huỷ 11 (Mười một) giỏ xách được đan bằng nhựa nhiều màu sắc, có quai đeo, kích thước 77cm x 37cm x 30cm, 08 cuộn băng keo đen.

Trả lại cho chị NTH xe ô tô biển số 51C-746.56.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra, truy tố và tại phiên toà không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận: Ngày 08/6/2020 H, L, T, T, Đ và T đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt 23 con heo của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam. Trước đó ngày 03/5/2020 L, H, T, T, Trước và X đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam 23 con heo. Ngày 01/6/2020 L, H, T và X cùng nhau lén lút chiếm đoạt của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam 18 con heo.

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra. Phù hợp với lời khai của đại diện người bị hại. Phù hợp với các bản Kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG, Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐG, Kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG ngày 14/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 08/6/2020 H, L, T, T, Đ và T đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt 23 con heo của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, trị giá 57.500.000Đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn). Ngày 04/5/2020 L, H, T, T, Trước và X đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt 23 con heo

của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, trị giá 57.500.000Đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn). Ngày 01/6/2020 L, H, T và X cùng nhau lén lút chiếm đoạt 18 con heo của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, trị giá 45.000.000Đ (Bốn mươi lăm triệu). Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đ, bị cáo T một lần trộm cắp tài sản có giá trị 57.500.000Đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn) nên đã vi phạm vào Điểm c, Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo L, bị cáo H, bị cáo T, bị cáo T, bị cáo X tuy chưa có sự phân công vai trò chặt chẽ nhưng đã cùng nhau thực hiện 02 đến 03 lần trộm cắp với phương thức, thủ đoạn tương tự nhau nên là phạm tội có tổ chức. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 160.000.000Đ (Một trăm sáu mươi triệu). Nên hành vi của L, H, T, T và X đã vi phạm vào Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nhưng lười lao động nên các bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của người khác, gây ra sự hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vụ án này có nhiều người cùng tham gia, xét vai trò của từng người thì thấy: Bị cáo L, bị cáo H là người chủ mưu, khởi xướng, cùng tham gia thực hiện cả 03 lần phạm tội. được hưởng lợi nhiều nhất trong 02 lần phạm tội đã tiêu thụ được tài sản, nên có vai trò cao nhất. Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm trong 03 lần phạm tội nên vai trò thấp hơn bị cáo L, H nhưng cao hơn T, X.

Bị cáo T, bị cáo X tham gia với vai trò đồng phạm trong 02 lần phạm tội, nhưng nếu không có bị cáo X tiếp tay thì các bị cáo không thể thực hiện được các lần phạm tội vào ngày 04/5/2020 và ngày 01/06/2020. Vì vậy vai trò của X cao hơn T.

Bị cáo Đ, bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm trong 01 lần phạm tội, nhưng cũng như X, nếu không có bị cáo T tiếp tay thì các bị cáo không thể thực hiện được hành vi phạm tội vào ngày 08/06/2020. Vì vậy, vai trò của T cao hơn Đ.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo tác động để người nhà bồi thường thiệt hại, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo L, H, T, T và X tự giác khai ra hành vi phạm tội trước đó nên cũng được xem là tự thú. Bị cáo H khai ra đồng phạm T, bị cáo L khai ra đồng phạm X nên cũng được xem tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm. Đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo L, H, X có ông, bà, cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Bị cáo T có tham gia bảo vệ Tổ Quốc, thực hiện nghĩa vụ Quốc tế. Vì vậy, cũng xem xét giảm nhẹ một phần cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với ĐVT Cơ quan CSĐT chưa làm việc được với Trước nên tách riêng để điều tra xử lý sau. Vì vậy, HĐXX không xem xét, xử lý trong vụ án này.

Xét hoàn cảnh kinh tế các bị cáo đều khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện cho người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Chị H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền chị H đã bồi thường thay cho các bị cáo. Chị B, anh B không có ý kiến, yêu cầu gì đối với xe ô tô biển số 51C-746.56 nên xem như xong. Bà G yêu cầu bị cáo X sau khi thi hành xong hình phạt phải trả lại tiền mà bà G đã bồi thường cho X, mà không yêu cầu trả lại tại giai đoạn xét xử, nên HĐXX không xem xét trong vụ án này. Nếu sau khi thi hành xong hình phạt bị cáo X không trả lại thì bà G có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[4] Về vật chứng: 04 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA-1147, 01 điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi112, 01 điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi208 và 01 điện thoại di động hiệu OPO-RMX1821 là vật các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

11 (Mười một) giỏ xách được đan bằng nhựa nhiều màu sắc, có quai đeo, kích thước 77cm x 37cm x 30cm, 08 cuộn băng keo đen cũng là vật các bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Xe ô tô biển số 51C-746.56 là tài sản của chị H, khi L dùng vào việc chở heo trộm cắp Đ bán chị H không biết nên trả lại cho chị H.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius gắn biển số 43F1-063.69, xe mô tô Dream gắn biển số 72K4-1324 Cơ quan CSĐT tách riêng để Điều tra xác minh, xử lý sau. Vì vậy, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **ĐVL, NVH (Q), PTT, NT, LCX, ĐĐ, PKT** phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

[1] Áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s, Điểm t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **ĐVL: 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s, Điểm t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **NVH (Q): 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b; Điểm r, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **PTT: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **NT: 03 (Ba) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm r, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **LCX: 04 (Bốn) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2020.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **ĐĐ: 02 (Hai) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **PKT: 03 (Ba) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[2] Trách nhiệm dân sự: Xong.

[3] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 04 Điện thoại di động gồm: 01 Điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA-1147, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi112, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel Model: izi208 và 01 Điện thoại di động hiệu OPO-RMX1821.

Tịch thu tiêu huỷ 11 (Mười một) giỏ xách được đan bằng nhựa nhiều màu sắc, có quai đeo, kích thước 77cm x 37cm x 30cm, 08 cuộn băng keo đen.

Trả lại cho chị NTH 01 xe ô tô loại tải thùng kín, nhãn hiệu Vinaxuki, số loại 1490T, màu xanh trắng, tải trọng 1.250kg, biển số 51C-746.56 số khung: 11ZN9V050938, số máy: LQC80204925A.

(Vật chứng được quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số:26/BB ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM).

[4] Về án phí: Các bị cáo ĐVL, NVH (Q), PTT, NT, LCX, ĐĐ, PKT mỗi người phải nộp 200.000Đ (Hai trăm ngàn) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- Sở TP tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- CA huyện XM.
- PC 06.
- PV 10.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn

